

WIKIPEDIA

Bách khoa toàn thư mở



Thượng tọa bộ

Bách khoa toàn thư mở Wikipedia

Đừng nhầm lẫn với Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo Nam truyền, hoặc Trường lão bộ.

Phật giáo Thượng tọa bộ, hay **Phật giáo Theravada**, là một trong 3 truyền thống lớn của Phật giáo hiện đại. Khởi nguồn từ Ấn Độ, Phật giáo Thượng tọa bộ được hình thành và phát triển đầu tiên ở Sri Lanka, sau đó được truyền bá rộng rãi tại nhiều quốc gia ở vùng Đông Nam Á. Được cho là nhánh Phật giáo bảo tồn nhiều tư tưởng của Phật giáo Nguyên thủy, Phật giáo Thượng tọa bộ ngày nay có hơn 150 triệu tín đồ trên toàn thế giới, không chỉ giữ vai trò như quốc giáo tại một số quốc gia như Sri Lanka, Myanmar, Thái Lan, Lào, Campuchia... mà còn hời sinh tại Ấn Độ, quê hương của Phật giáo,^[web 1] cũng như bắt đầu bén rễ ở phương Tây^[a]

Thuật ngữ "Thượng tọa bộ" trong tiếng Việt là được phiên âm Hán-Việt từ danh xưng *Shàngzuò Bù* (tiếng Trung: 上座部) trong tiếng Trung Quốc. Nó bắt nguồn từ những ghi chép của các du tăng Trung Quốc đến Ấn Độ vào thế kỷ thứ VII là Huyền Trang và Nghĩa Tịnh khi nhắc đến các trường phái Phật giáo ở Sri Lanka.^{[b][c]}

Nhiều tài liệu tiếng Việt còn sử dụng các danh xưng không hoàn toàn chính xác là **Phật giáo Nam truyền**, **Phật giáo Nam tông** hay **Phật giáo Nguyên thủy** để chỉ Phật giáo Thượng tọa bộ. Trên thực tế, Phật giáo Thượng tọa bộ được xác định là một nhánh hậu thân của Phật giáo Nguyên thủy và là đại diện lớn nhất của truyền thống Phật giáo Nam truyền.

Từ nguyên

Thera trong tiếng Pali hay *sthavira* trong tiếng Sanskrit nghĩa là "cũ", "cổ xưa", "lâu năm" và dòng thời được dùng để chỉ một tì kheo đã tu hành lâu năm (*trưởng lão*, *thượng tọa*). Còn *veda* (Pali) hay *vadin* (Sanskrit) nghĩa là "giáo lý", "quan điểm". *Theravada* hay *Sthaviravadin* vì vậy có nghĩa là "giáo lý của người xưa", "thượng tọa bộ".^[3] Danh xưng này bắt nguồn từ việc các tăng sĩ Thượng tọa bộ cho rằng truyền thống Phật giáo của mình có nguồn gốc lâu đời và bảo tồn nguyên vẹn các giáo lý nguyên thủy của Đức Phật Thích-ca.^[4] Tuy nhiên, theo các nhà nghiên cứu, qua các khảo cứu hiện đại, không có bằng chứng lịch sử nào cho thấy nhánh Thượng tọa bộ đã tồn tại cho đến khoảng hai thế kỷ sau cuộc đại phân ly các bộ phái xảy ra sau Đại hội kết tập lần thứ ba.^[5] Chỉ đến vào thế kỷ thứ IV, qua biên niên sử *Dīpavamsa* (Đảo sử), các tăng sĩ Mahāvihāra ở Sri Lanka đã bắt đầu cố gắng xác định nguồn gốc kết nối của mình với *Trường lão bộ*, một trong hai cộng đồng tăng sĩ sơ khai, có xu hướng bảo tồn nguyên vẹn các giới luật của Phật giáo Nguyên thủy.^[6] Theo học giả *Bhante Sujato*, mối liên hệ này thực chất xác định Trường lão bộ (*Sthaviravāda*) là nguồn gốc của một nhóm các bộ phái liên quan, một trong số đó là Thượng tọa bộ (*Theravāda*).^[7]



Tăng sĩ Phật giáo hệ phái Nam Tông

Lịch sử

Sự hình thành các cộng đồng Sthavira

Truyền thống Phật giáo Thượng tọa bộ liên kết mình với một nhóm các trưởng lão cấp p cao trong cộng đồng Tăng già nguyên thủy, vốn có xu hướng bảo tồn nguyên vẹn các giới luật thời Đức Phật tại thế. Sau nhiều cố gắng không thành công để thay đổi các giới luật (*vinaya*) đã được thay đổi nhiều trong tăng đoàn kể từ sau khi Phật nhập diệt, tại Đại hội kết tập lần thứ hai, một nhóm nhỏ các trưởng lão đã ly khai khỏi cộng đồng đa số trong tăng đoàn để hình thành một cộng đồng thiểu số duy trì các giới luật nguyên thủy. Nhóm cộng đồng thiểu số này về sau được gọi là *Sthaviravada*, hay *Trường lão bộ*.^[8] Nhóm đa số còn lại được gọi với danh xưng *Mahāsāṃghika*, hay *Đại chúng bộ*.

Có sự sai khác đáng kể giữa các tài liệu theo truyền thống Nam tông và Bắc tông về sự phân chia thành các bộ phái trong Thời kỳ Bộ phái, dẫn đến hình thành Phật giáo Thượng tọa bộ. Theo các nhà nghiên cứu hiện đại, căn cứ vào việc khảo cứu đối chiếu giữa các tài liệu Trường lão bộ và Đại chúng bộ, sự hình thành Thượng tọa bộ trải qua một quá trình phân chia bộ phái lâu dài và phức tạp.^{[9][10][11]} Một trong những trong những phân chia đầu tiên trong cộng đồng *Sthaviravada*, là sự khác biệt cách thức giải thích về sự tồn tại của các pháp trong quá khứ, hiện tại và tương lai. Một nhóm các tăng sĩ chủ trương phân biệt giữa các pháp "tồn tại" và các pháp không tồn tại, do đó được mệnh danh là các *Vibhajyavādin* (Phân biệt thuyết



Chùa Wat Chaiwatthanaram trong quần thể di tích Công viên lịch sử Ayutthaya, Thái Lan.

giáo), và cộng đồng này được gọi là *Vibhajjavāda* (Phân tích bộ hoặc Phân biệt thuyết bộ).^[12] Tại Đại hội kết tập lần thứ ba tại Pataliputra khoảng năm 250 TCN, các *Vibhajjavādīn* đã giành được sự ủng hộ của hoàng đế *Ashoka* và trở thành nhánh Phật giáo có ảnh hưởng lớn nhất tại Ấn Độ.^{[13][14][15]}

Với sự hỗ trợ của hoàng đế Ashoka, các *Vibhajjavādīn* có điều kiện thuận lợi để truyền bá học thuyết của mình ra khắp Ấn Độ, thậm chí mở đường truyền giáo ra ngoại quốc. Theo các nhà nghiên cứu, từ cộng đồng *Vibhajjavāda* đã hình thành 4 nhóm nhỏ hơn, về sau được gọi là *Mahāsāśaka* (Hóa Địa bộ), *Kāśyapīya* (Âm Quang bộ), *Dharmaguptaka* (Pháp Tạng bộ) và *Tāmraparṇīya* (Đông Diệp bộ). Sự phân biệt này không phải chủ yếu do sự khác biệt nào về giáo lý hay giới luật, mà là do khoảng cách địa lý.^[16] Trong đó, ba nhóm đầu có phạm vi ảnh hưởng trên tiểu lục địa Ấn Độ, thậm chí phát triển dọc theo các tuyến đường thương mại Trung Á, từng có ảnh hưởng đến sự phát triển Phật giáo ở Gandhara trong thế kỷ thứ nhất sau Công nguyên.^[17] Nhóm thứ tư lan rộng về phía nam từ Avanti vào Maharashtra và Andhra xuống đến tiểu quốc Chola (Kanchi). Các *Vibhajjavādīn* ở Nam Ấn thường sử dụng ngôn ngữ Pali, có sự khác biệt đáng kể so với 3 nhóm còn lại ở Bắc Ấn.^[18] Nhóm này thường tự gọi mình là những *Therīya* hay *Thera*, về sau hình thành nên cộng đồng *Theravādīn* ở Sri Lanka.^[19]

Cấm rẽ ở Sri Lanka và sự ra đời của những kinh điển trên lá bối

Theo tài liệu của Phật giáo Thượng tọa bộ, Phật giáo được truyền bá đến Sri Lanka ở thế kỷ thứ III TrCN, bởi *Therīya Mahinda* (Ma-hi-đà), con trai vua Asoka, trong khuôn khổ phong trào *dhammaduta* (người truyền giáo).^[20] Ở Sri Lanka, Ma-hi-đà đã thuyết phục được vua Devanampiya-tissa theo đạo Phật. Nhà vua cho dựng chùa Mahavihara ở Anuradhapura, kinh đô Sri Lanka thời đó. Sau này, em gái Ma-hi-đà là ni trưởng Sanghamittā (Tăng-già-mật-đa) mang xá lỵ Phật và chồi cây bồ-đề tới trồng ở chùa này càng làm cho uy tín của Phật giáo và của chùa Mahavihara tăng cao.^[21] Bây giờ, Sri Lanka còn được gọi là *Tāmraparṇī* theo tên vương quốc cổ đầu tiên ở đây. Vì vậy, cộng đồng Phật giáo tại đây được gọi chung là *Tāmraparṇīya* (Xích Đông Diệp bộ).^{[22][23]} Trung tâm truyền giáo của các *Therīya* cũng dịch chuyển từ Chola (Kanchi, Ấn Độ) về Mahāvihāra (Anuradhapura, Sri Lanka).

Từ đầu thế kỷ thứ II TrCN đến giữa thế kỷ thứ I TrCN, người Tamil từ Nam Ấn nhiều lần tràn sang cướp phá Sri Lanka. Do hoàn cảnh chiến tranh loạn lạc liên miên, thay cho phương pháp truyền khẩu truyền thống, các nhà sư *Tāmraparṇīya* bắt đầu thực hiện việc biên chép Tam tạng để bảo tồn kinh điển.^[24] Việc biên chép kinh điển bằng tiếng Pali lên các tờ lá bối, được thực hiện kéo dài trong nhiều thế kỷ liên tiếp.^[25]

Sự trỗi dậy và suy tàn của ảnh hưởng Đại thừa

Năm 24 TrCN, để kỷ niệm chiến thắng trước sự xâm lăng của quân Tamil từ Nam Ấn Độ, quốc vương Vattagāmani của Sri Lanka đã cho xây dựng chùa Abhayagirivihāra còn lớn hơn cả chùa Mahāvihāra, giao cho Mahātissa, một *Thera* của Kuppikala vihāra, và hai cao tăng khác cai quản.^{[26][27][28][29][30]} Dưới sự bảo trợ của Vattagāmani, Abhayagirivihāra nhanh chóng có được ảnh hưởng lớn trong cộng đồng Phật giáo Sri Lanka, dần dà nảy sinh mâu thuẫn với chính cái nôi Phật giáo Sri Lanka Mahāvihāra.

Ban đầu, Abhayagirivihāra được cai quản bởi các cao tăng do Mahāvihāra phái đến.^[31] Nhân việc thầy mình là Mahātissa bị các cao tăng của Mahāvihāra khai trừ vì một lỗi nhỏ, một vị trưởng lão là Bahalamassutissa đã tức giận, gia nhập Abhayagirivihāra, từ đó xây dựng một cộng đồng độc lập với Mahāvihāra.^[32] Nhóm Abhayagirivihāra dường như có nhiều ảnh hưởng ở khu vực phía bắc của Sri Lanka, vốn có sự giao lưu đáng kể với các nhánh Phật giáo từ Ấn Độ.^[33] Chính điều này dẫn đến sự gia nhập Abhayagirivihāra của một nhóm nhà sư Vajjiputtaka (Bạt-kỳ-tử) đến từ Pallārāma (Ấn Độ). Từ đó, Abhayagirivihāra nằm dưới sự lãnh đạo của trưởng lão Dhammaruci (Pháp Hỷ), một nhà sư trong nhóm Vajjiputtaka. Vì vậy, nhóm Abhayagirivihāra còn được gọi là những người *Dhammaruciya*.

Do áp lực của Dhammaruciya, chùa Mahavihara bị vua cho phá hủy khiến tăng đoàn phải xây lại. Biến cố này cùng với nguy cơ thường trực bị quân Tamil xâm lược đã thúc đẩy các nhà sư chùa Mahavihara ghi lại kinh Phật trên lá bối bằng tiếng Pali.^[34] Từ đây, kinh Pali được truyền đi các xứ khác.

Theo như A.K. Warder, phái Hóa Địa bộ Ấn Độ cũng đã tự thành lập ở Sri Lanka cùng với phái Theravāda, và chúng được tiếp thụ sau này.^[33]

Tăng đoàn Dhammaruciya ở chùa Abhayagirivihāra giữ vị trí chủ đạo do được triều đình coi trọng hơn. Về sau họ ít nhiều tiếp thu các tư tưởng Đại thừa - điều này được sự Trung Quốc Huyền Trang ghi nhận.^[34]

Một số học giả cho rằng những người lãnh đạo của Sri Lanka đã bảo đảm rằng Theravāda vẫn giữ nguyên truyền thống, và điều này có đặc điểm tương phản với Phật giáo Ấn Độ.^[36] Tuy nhiên, trước thế kỷ XII, nhiều nhà lãnh đạo của Sri Lanka đã đem sự ủng hộ và bảo trợ cho những người Thượng tọa bộ ở Abhayagiri, và những du khách ví như Pháp Hiền thấy được phái Thượng tọa bộ Abhayagiri như đã trở thành truyền thống Phật giáo chính Sri Lanka.^{[37][38]}

Khuynh hướng phái Abhayagiri chiệ́m ưu thệ́ đã thay đổi ở thệ́ kỷ XII, khi phái Mahavihara được sự hỗ trợ vệ̀ chính trị của nhà vua Parakkamabāhu I (1153–1186), và hoàn toàn bãi bỏ các truyệ̀n thống Thượng tọa bộ của Abhayagiri và Kỳ Viên.^{[39][40]} Các nhà sư của hai phái còn lại sau đó bị buộc phải hoàn tục và định sẵn sự chọn lựa vệ̀ điệ̀u hướng thành người thệ́ tục vĩnh viễn, hoặc cộ́ gắng để tái phọi theo truyệ̀n thống phái Mahavihara như "Sa-di" (*sāmaṇera*).^{[40][41]}

Trường phái này đã sử dụng chính cái tên *Theravāda* dưới dạng văn bản ít nhậ́t từ thệ́ kỷ thứ IV, thuật ngữ này được xuậ́t hiện trong *Đạo sư* (*Dīpavaṃsa*).^[d]

Qua nhiệ̀u thệ́ kỷ, những tu sĩ Thượng tọa bộ ở Abhayagiri đã duy trì chặt chẽ mội quan hệ với những tín độ̀ Phật giáo Ấn Độ và thu nhận nhiệ̀u giáo lý mới mẹ̃ từ Ấn Độ,^[42] bao gồm nhiệ̀u yệ́u tộ́ của giáo lý Đại thừa, trong khi những tu sĩ Thượng tọa bộ dòng tịnh xá Kỳ Viên tiệ́p thu Đại thừa ở mức độ̣ ít hơn.^{[43][44]}

Huyệ̀n Trang đã việ́t vệ̀ hai sự phân chia của Thượng tọa bộ ở Sri Lanka, đệ̀ cập đệ́n truyệ̀n thống của Abhayagiri là "Những người Thượng tọa bộ Đại Thừa", và truyệ̀n thống của phái Đại Tự là "Tiểu thừa Thượng tọa bộ".^[45] Huyệ̀n Trang còn tiệ́p tục việ́t rằng:^[46]

Những người phái Đại Tự (Mahāvihāravāsins) đã từ chộ̉i Phật giáo Đại Thừa và thực hành Tiểu Thừa, trong khi những người Abhayagiri đã học tập cả giáo lý của Đại Thừa và Tiểu Thừa cùng việc truyệ̀n bá *Tam tạng*.

Akira Hirakawa có những ghi chú rằng những chú luận Pāli còn được tộ̉n tại (*Aṭṭhakathā*) của trường phái Mahāvihāra, khi đã có sự kiểm duyệt chặt chẽ, cũng bao gồm một sộ́ các vị trí có sự ăn khớp với giáo lý Đại Thừa.^[47] Kalupahana cũng ghi chú những tương tự vệ̀ *Thanh tịnh đạo* (*Visuddhimagga*), là chú dẫn của Theravāda mang tính quan trọng nhậ́t.^[48]

Trong thệ́ kỷ thứ VIII, được biệ́t rằng cả Đại thừa và phái Mật tông Kim cương thừa (Vajrayāna) - hình thức của đạo Phật đã được thực hành ở Sri Lanka, và hai nhà sư Ấn Độ có trách nhiệm truyệ̀n bá Phật giáo Bí Truyệ̀n tại Trung Quộ́c là Kim Cương Trí (Vajrabodhi) và Bất Không Kim Cương (Amoghavajra), đã từng đệ́n thăm hòn đảo trong suộ̀t thời gian này.^[49] Tịnh xá Abhayagiri có vẻ như là nơi trung tâm gộp những giáo lý của Thượng tọa bộ, Đại thừa và Kim Cương thừa.^[50]

Truyền bá và ảnh hưởng tại Đông Nam Á

Thượng tọa bộ truyệ̀n đệ́n Suvarnabhumi ở Đông Nam Á và phổ biệ́n ở Thaton, quộ́c gia của người Môn ở miệ̀n Nam Myanmar ngày nay. Phật giáo của Thaton dùng kinh bạ̉ng tiệ́ng Pāli, nhưng hình thức thì có pha trộn với một sộ́ đường nét tiêu biểu của Phật giáo Đại thừa và Kim Cương thừa.^[34] Phật giáo từ Thaton đã lan truyệ̀n sang các xứ khác ở Đông Nam Á.

Thượng tọa bộ truyệ̀n đệ́n xứ Suvarnabhumi của người Môn ở Đông Nam Á trước. Vua Anawrahta của triệ̀u Pagan ở Miệ́n Điện sau khi thôn tính xứ của người Môn ở miệ̀n Nam nước này đã tiệ́p thu Thượng tọa bộ làm quộ́c giáo. Giữa Pagan và Sri Lanka có mội quan hệ mật thiệ́t liên quan đệ́n tôn giáo. Pagan gửi kinh và người đệ́n giúp Sri Lanka khôi phục Phật giáo sau họa xâm lược và hủy diệt của Tamil. Còn Sri Lanka gửi tặng Pagan xá lị Phật, làm cho uy tín Thượng tọa bộ được nâng cao ở Pagan. Phật giáo ở Pagan vì vậy ngày càng chịu ảnh hưởng của Thượng tọa bộ từ Sri Lanka. Đệ́n thệ́ kỷ XIII, sư Capata thậm chí còn đệ̀ nghị phải loại bỏ các truyệ̀n thống tu hành của Phật giáo Thaton để hoàn toàn theo truyệ̀n thống của chùa Mahāvihāra ở Sri Lanka. Trong nỗ lực tái thiệ́t đậ́t nước sau khi quân Mông Cổ rút đi, các vua Miệ́n Điện đã gửi các nhà sư sang Sri Lanka học tập. Sri Lanka lúc này đã lậ̃y Thượng tọa bộ phái Mahāvihāra làm quộ́c giáo. Trợ̀ vệ̀ nước, các nhà sư nói trên đã tiệ́p tục cùng cộ́ truyệ̀n thống Thượng tọa bộ Mahāvihāra ở Miệ́n Điện. Myanmar trở thành trung tâm bảo tộ̀n Thượng tọa bộ chủ yệ́u cùng với Sri Lanka.^[34]

Trong khi đó, các xứ khác ở Đông Nam Á tiệ́p tục truyệ̀n thống Phật giáo Thượng tọa bộ của người Môn từ Thaton.

Hiện đại hóa và lan rộng đến Tây phương

Xem thêm: Phật giáo hiện đại và Phong trào Thiệ̀n Minh sát



Đức Phật sơn vẽ ở chùa hang Dambulla tại Sri Lanka. Chùa hang Phật giáo phức tạp được thành lập như một tu viện Phật giáo ở thệ́ kỷ III TCN. Các hang được chuyển đổi thành chùa chiền trong thệ́ kỷ I TCN.^[35]



Tăng sĩ Phật giáo Nam tông tại Thái Lan đi khất thực



Tàn tích của Bagan, cổ đô của Miệ́n Điện. Hiện có hơn 2.000 ngôi chùa Phật giáo. Trong thời đỉnh cao quyền lực của Bagan có đến 13.000 ngôi chùa.^[web 3]

Vào thế kỷ XIX đã bắt đầu có một quá trình ảnh hưởng lẫn nhau của cả hai bên, giữa phái Thượng tọa bộ châu Á và một nhóm khán giả phương Tây quan tâm đến nền minh triết cổ xưa. Đặc biệt, Helena Blavatsky và Henry Steel Olcott, những người sáng lập ra Hội Thông Thiên học (hay Hiệp hội Thần Trí học) đã có một vai trò sâu sắc trong quá trình này. Ở các nước Theravāda, loại Thiền Minh Sát được thực hành phát triển. Từ những năm 1970 về sự quan tâm của Phương Tây đã quay hướng đến sự phát triển của cái gọi là phong trào Thiền Minh sát ở Tây phương.^[51]

Sự khác biệt giáo lý với các trường phái khác

Xem thêm: *Phật giáo Nguyên thủy*

Đây là phái tương đối i bảo thủ, và theo như tiến sĩ Rupert Gethin, giáo phái này gần với Phật giáo ban đầu hơn là các giáo phái truyền thống khác hiện nay.^[52] Thượng tọa bộ thừa nhận rằng Thích Ca là một nhân vật lịch sử, một con người và cũng có những hạn chế nhất định của con người như đau lưng, khó chịu với sự ồn ào,...^[53]

Các bậc A-la-hán là hoàn hảo

Phái Đại chúng bộ cho rằng A-la-hán còn có thoái lui và chưa phải là hoàn hảo. Trong khi phái Thượng tọa bộ cho rằng các A-la-hán có một "thể tính cao khiết".^[54]

Quán sát là bất ngờ và hoàn toàn

Theo như Thượng tọa bộ, "những tiến bộ trong hiểu biết đến dòng lúc, 'sự nhìn thấu bên trong sự vật' (Hiện Quán, *abhisamaya*) không phải là đến 'dần dần' (liên tiếp - *anapurva*)".^[55] Điều này được phản ánh ở trong bản cáo của Theravada trên Tứ thánh quả, trong đó sự đạt được bốn thánh quả này xuất hiện bất ngờ, và những uế nhiễm cũng được xả bỏ ra cùng lúc. Lập trường tương tự cũng đã được ứng dụng ở phong trào Thiền Minh sát hiện nay, đặc biệt với cái gọi là "Tân Miến Điện Pháp".

Các Pháp

Các lễ hội và phong tục

- 1. Lễ trắng tròn (Magha Puja)
- 2. Lễ Phật Đản (Vesakha Puja)
- 3. Asalha Puja
- 4. Lễ Bỏ Tát (Uposatha)
- 5. An cư kết hạ (Vassa, ẩm mưa)
- 6. Lễ dâng y Kathina



Một nhà sư Thái Lan thiền tịnh

Danh sách các nước đa phần theo Thượng tọa bộ

Rank	Quốc gia	Dân số	Số % tín đồ	Tổng số tín đồ	Tầm quan trọng
1	 Thái Lan	66.720.153 ^[56]	94,6% ^[57]	63.117.265	97% ^[58]
2	 Miến Điện	60.280.000 ^[59]	89% ^[60]	53.649.200	96% ^[58]
3	 Sri Lanka	20.277.597	70,2%	14.222.844	100% ^[58]
4	 Campuchia	14.701.717 ^[61]	96,4% ^[61]	14.172.455	95% ^[58]
5	 Lào	6.477.211 ^[62]	67% ^[62]	4.339.731	98% ^[58]

Tập tin:Chird 034.jpg
Hai nhà sư Việt Nam sang Thái Lan dự lễ Kathina

Phật giáo Thượng tọa bộ được các quốc gia khác nhau và rất nhiều người trên thế giới đi theo, như là:

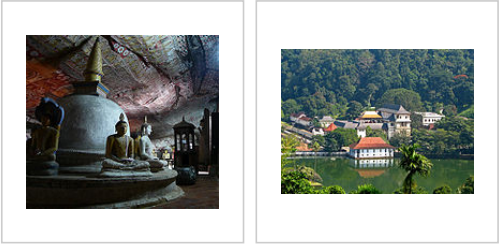
- Tại Nam Á:
 - Sri Lanka (có 70% dân số)
 - Bangladesh (có 0.7% dân số)
- Tại Đông Nam Á:

- Campuchia (có 95% dân số)
- Lào (có 67% dân số)
- Myanmar (có 89% dân số)
- Thái Lan (có 95% dân số)
- Tại những nơi khác ở châu Á:
 - Trung Quốc (chủ yếu là dân tộc người Shan và các sắc tộc Thái)
 - Việt Nam (bởi người Khmer (Việt Nam) và người Kinh Nam Bộ)
 - Malaysia (có 19.2% dân số)
 - Indonesia (có 0.72% dân số)
 - Singapore là nơi mà gần đây Thượng tọa bộ được phổ biến, hiện nay đã có tiếp đến 33.3% dân số.
- Tây phương nhánh Thượng tọa bộ cũng tăng phổ biến gần đây.

Hình ảnh



Chùa Shwedagon ở Yangon, là ngôi chùa thiêng liêng nhất ở Miến Điện.
Wat Phra Buddha Baat, là ngôi đền quan trọng nhất ở trung tâm Thái Lan.
Các Phật tử ở chùa Wat Phrathat Doi Suthep, gần thành phố Chiang Mai, Thái Lan.
Nhà sư người Khmer đang hành thiền ở Phnom Bakheng tại Angkor, Campuchia.
Ruwanwelisaya ở Anuradhapura, ngôi bảo tháp linh thiêng nhất ở Sri Lanka.



Đền thờ động Chùa Phật Bộ ở Dambulla ở Sri Lanka, một trong những ngôi chùa quan trọng nhất của Sri Lanka.
Phật giáo cổ nhất.

Xem thêm

- Tiểu thừa
- Đại thừa
- Phật giáo Nguyên thủy

Bảng các chữ viết tắt

bo.: Bod skad བོད་སྐད་, tiếng Tây Tạng | **ja.:** 日本語 tiếng Nhật | **ko.:** 한국어, tiếng Triều Tiên | **pi.:** Pāli, tiếng Pali | **sa.:** Sanskrit संस्कृतम्, tiếng Phạn | **zh.:** 中文 chữ Hán

Ghi chú

a. ^ John Bullit: "Trong thế kỷ trước, mặc dù Phương Tây đã bắt đầu chú ý đến những di sản tinh thần độc đáo và giáo huấn về Giác Thức của Phật giáo Thượng tọa bộ. Trong những thập kỷ gần đây, sự quan tâm này đã tăng lên, với những vị Tăng-già tu sĩ đến từ các trường phái khác nhau

- trong Phật giáo Thượng tọa bộ thành lập hàng chục chùa viện trên khắp châu Âu và Bắc Mỹ".^[web 2]
- b. [^] Huyền Trang đã đề cập đến các vị Phật tử ở Sri Lanka rằng "Họ chủ yếu làm theo lời dạy của Đức Phật, đi theo giáo pháp của trường phái Sthavira (Thượng tọa bộ)".^[1]

- c. [^] Nghĩa Tịnh có đề cập đến tình hình ở Sri Lanka rằng "Ở Tích Lan, trường phái Thượng tọa bộ được độc tôn; những người Đại Chúng bộ thì bị trục xuất".^[2]
- d. [^] Nó được sử dụng trong các sách *Đạo Sử* (trích dẫn trong *Lời dẫn giải tranh luận* (Debates Commentary), Pali Text society, trang 4), mà thường thì thời gian ở thế kỷ IV.

Chú thích

Các sách

- [^] Samuel Beal, "Si-Yu-Ki — Hồ sơ về đạo Phật của thế giới Tây Phương (Buddhist Records of the Western World) — Dịch ra từ trước tác của Huyền Trang năm 629", do Tuebner và Co xuất bản, Luân Đôn (1884), in tại Tổng công ty nhà sách Phương Đông, New Delhi, (1983), Phiên bản kỹ thuật số: Viện Phật học Trung Hoa, Đài Bắc.
- [^] Samuel Beal, "Cuộc đời của Huyền Trang: bởi Shaman Hwui Li. Cùng với lời giới thiệu gồm có thông tin về tác phẩm và Nghĩa Tịnh", được xuất bản bởi Tuebner và Co, Luân Đôn (1911), Phiên bản kỹ thuật số: Trường Đại học Michigan.
- [^] Hoàng Phong, *Tìm hiểu Phật giáo Theravada - Ajahna Chah hỏi đáp*. (<https://thuvienhoasen.org/p53a19210/2/tim-hieu-phat-giao-theravada>)
- [^] Sherab Chodzin Kohn. *Cuộc đời Đức Phật*, trang 149-150. Shambhala Publications, 1993.
- [^] Keown 2003, tr. 279-280.
- [^] Morgan 2010, tr. 113.
- [^] Sujato, Bhante. "Why Devadatta Was No Saint".
- [^] Skilton, Andrew. *Lược sử của đạo Phật*. 2004. tr. 49, 64.
- [^] Skilton 2004, tr. 66-67.
- [^] Ấn Thuận, *Phật giáo Ấn Độ* (印度之佛教), 1943. Chương 6.
- [^] Ấn Thuận, *Lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ* (印度佛教思想史), 1988. Chương 2, tiết 2.
- [^] Warder 2000, tr. 264.
- [^] Berkwitz 2012, tr. 58.
- [^] Minh Chi, "Bàn thêm về chủ thuyết của các bộ phái, Phật học cơ bản - tập II.
- [^] Hirakawa Akira (dịch và biên tập bởi Paul Groner), *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ*, Motilal Banarsidass Publishers, Delhi, 1993, trang 109.
- [^] Sujato 2012, tr. 133.
- [^] Cousins, LS (2001). On the Vibhajjavādins. The Mahimsasaka, Dhammaguttika, Kassapiya and Tambapanniya branches of the ancient Theriyas (<https://uk.aps.org.uk/wp-content/uploads/2016/06/Bsr18.22001.pdf>), *Buddhist Studies Review* 18 (2), 131-182.
- [^] Dutt 1998, tr. 211.
- [^] Harvey 1995, tr. 86.
- [^] Thích Nhất Hạnh, *Hai khuynh hướng lớn trong lịch sử tư tưởng Phật giáo* (<http://vuonhoaphatgiao.com/phat-hoc/triet-hoc/hai-khuynh-huong-lon-trong-lich-su-tu-tuong-phat-giao/>).
- [^] Hoàng Phong, *Lịch sử phát triển của Phật giáo Theravada* (<https://thuvienhoasen.org/p21a18625/11/tim-hieu-phat-giao-theravada-bai-3>).
- [^] Cheng, Chuan (tháng 5 năm 2012). "Designations of Ancient Sri Lankan Buddhism in the Chinese Tripiṭaka". *Journal of the Oxford Centre for Buddhist Studies*. Oxford Centre for Buddhist Studies. 2: 104–123. ISSN 2047-1076.
- [^] 赤沼智善『印度佛教固有名詞辭典』1967, 679頁; Renou, L'Inde classique, 1947『インド学大事典』1981, 466; B. C. Law, *Geography of early Buddhism*, 1973, 70頁
- [^] Ấn Thuận, *Lịch sử tư tưởng Phật giáo Ấn Độ*. Biên dịch: Thích Quảng Đại. Xuất bản 2020. Tr. 260.
- [^] Hoàng Phong, *Tìm hiểu Phật giáo Theravāda*. Nhà xuất bản Hồng Đức, 2014
- [^] *Mahavamsa*, XXXVII.43-4.
- [^] *Mahavamsa*, XXXVII.78-83.
- [^] *Mahavamsa*, XXXIII.49.
- [^] *Mahavamsa*, XXXIII.76.
- [^] *Mahavamsa*, XXXIII.83.
- [^] *Mahavamsa*, XXXV. 20, 57, 119-22, XXXVI. 7-14.
- [^] *Mahavamsa*, XXXVII.95ff.
- ^a ^b Warder, A.K. *Indian Buddhism*. 2000. p. 280.
- ^a ^b ^c ^d Hoàng Phong, sđd.
- [^] "Golden Temple of Dambulla - UNESCO World Heritage Centre". Whc.unesco.org. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.
- [^] Randall Collins, *Xã hội học của triết lý: Một lý thuyết toàn cầu về biến đổi trí tuệ*. Harvard University Press, 2000, trang 187.
- [^] Hirakawa, Akira. Groner, Paul. *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Đức Thích Ca Mâu Ni đến đầu thời phái Đại Thừa*. 2007. tr. 125.
- [^] Sujato, Bhikkhu. *Tông phái và chủ nghĩa bè phái: Nguồn gốc của các trường phái Phật giáo*. 2006. tr. 59.
- [^] Hirakawa, Akira. Groner, Paul. *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Đức Thích Ca Mâu Ni đến đầu thời phái Đại Thừa*. 2007. tr. 126.
- ^a ^b Williams, Duncan. Queen, Christopher. *Phật giáo Hoa Kỳ: các phương pháp và các khám phá trong sự bác học hiện nay*. 1999. tr. 134.
- [^] Gombrich, Richard. *Phật giáo Nguyên Thủy: Lịch sử xã hội từ Ba Tư Nặc cổ đại đến Colombo hiện đại*. 1988. tr. 159.
- [^] Hirakawa, Akira. Groner, Paul. *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Đức Thích Ca Mâu Ni đến đầu thời Đại Thừa*. 2007. tr. 124.
- [^] Hirakawa, Akira; Groner, Paul. *A History of Indian Buddhism: From Śākyamuni to Early Mahāyāna*. 2007. p. 121.

44. [^] Gombrich, Richard Francis. *Phật giáo Nguyên Thủy: Lịch sử xã hội*. 1988. tr. 158.
45. [^] Baruah, Bibhuti. *Các tông phái Phật giáo và Chủ nghĩa bè phái*. 2008. tr. 53.
46. [^] Hirakawa, Akira. Groner, Paul. *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Đức Thích Ca Mâu Ni đến đầu thời Đại Thừa*. 2007. tr. 121.
47. [^] Hirakawa, Akira. Groner, Paul. *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Đức Thích Ca Mâu Ni đến đầu thời Đại Thừa*. 2007. tr. 257.
48. [^] Kalupahana 1994, tr. 206-208.
49. [^] Hirakawa, Akira. Groner, Paul. *Lịch sử Phật giáo Ấn Độ: Từ Đức Thích Ca Mâu Ni đến đầu thời Đại Thừa*. 2007. tr. 125-126.
50. [^] "Phật giáo Bí Truyền ở Đông Nam Á theo Ánh Sáng Uyên Triết gần đây" bởi Hiram Woodward. *Tạp chí nghiên cứu Đông Nam Á*, Vol. 35, No. 2 (Jun., 2004), tr. 341
51. [^] McMahan 2008.
52. [^] Gethin, Rupert. *Những nền tảng của Phật giáo*, tr. 1. Oxford University Press, 1998.
53. [^] Minh Chi, "Bàn về các chủ thuyết của các bộ phái", *Phật học cơ bản* - Tập II.
54. [^] Warder 2000, tr. 283.
55. [^] Warder 2000, tr. 284.
56. [^] "Bản sao đã lưu trữ" (PDF). Bản gốc (PDF) lưu trữ ngày 16 tháng 7 năm 2011. Truy cập ngày 16 tháng 8 năm 2014.
57. [^] "CIA - The World Factbook". Cia.gov. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.
58. [^] ^a ^b ^c ^d ^e GALLUP WorldView (<https://worldview.gallup.com/default.aspx>) - data accessed on ngày 7 tháng 9 năm 2012.
59. [^] Truy cập ngày 8 tháng 7 năm 2010. (http://www.adb.org/Documents/Fact_Sheets/MYA.pdf.)
60. [^] "CIA - The World Factbook". Cia.gov. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.
61. [^] ^a ^b "CIA - The World Factbook". Cia.gov. Bản gốc lưu trữ ngày 29 tháng 12 năm 2010. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.
62. [^] ^a ^b "CIA - The World Factbook". Cia.gov. Bản gốc lưu trữ ngày 29 tháng 12 năm 2010. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.

Các trang web

1. [^] Adherants.com (http://www.adherents.com/Na/Na_630.html#3875) Lưu trữ (https://web.archive.org/web/20170630052826/http://www.adherents.com/Na/Na_630.html#3875) 2017-06-30 tại [Wayback Machine](#) - See the citations under 'Theravāda Buddhism — World'.
2. [^] Bullitt, John. "What is Theravāda Buddhism?". *BuddhaNet*. Truy cập ngày 15 tháng 8 năm 2010.
3. [^] "Plan your trip to Bagan (Pagan), Myanmar". AsiaExplorers. ngày 25 tháng 11 năm 2003. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.
4. [^] "The 7 Tallest Statues in the World". Blog.hotelclub.com. ngày 6 tháng 2 năm 2009. Bản gốc lưu trữ ngày 12 tháng 4 năm 2012. Truy cập ngày 17 tháng 8 năm 2012.

Tham khảo

- Chapman, David (2011), *Theravāda reinvents meditation*
- Dutt, Nalinaksha (1998), *Buddhist Sects in India*, Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Private Limited
- Gombrich, Richard F. (1996), *Theravāda Buddhism. A Social History from Ancient Benares to Modern Colombo*, Luân Đôn và New York: Routledge
- Gomez, Luis O. (1991), *Purifying Gold: The Metaphor of Effort and Intuition in Buddhist Thought and Practice*. In: Peter N. Gregory (editor)(1991), Sudden and Gradual. Approaches to Enlightenment in Chinese Thought, Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Private Limited
- Gunaratana, Henepola (1994), *The Path of Serenity and Insight*, Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Private Limited
- Kalupahana, David J. (1994), *A history of Buddhist philosophy*, Delhi: Motilal Banarsidass Publishers Private Limited
- McMahan, David L. (2008), *The Making of Buddhist Modernism*, Oxford University Press, ISBN 9780195183276
- Tuchrello, William P. (Year unknown), *The Society and Its Environment. (Religion: Historical Background section)*, Federal Research Division, Library of Congress Kiểm tra giá trị ngày tháng trong: |year= (trợ giúp)
- Tiyanich, K. (1997), *Forest Recollections: Wandering Monks in Twentieth-Century Thailand*, University of Hawaii Press
- Warder, A.K. (2000), *Indian Buddhism*, Delhi: Motilal Banarsidass Publishers

Liên kết ngoài

General

- Access to Insight (<http://www.accesstosight.org/>) - Readings in Theravāda Buddhism
- BuddhaNet (<http://www.buddhanet.net/>) - World Buddhist directory & information resource
- Sadhu! (<http://dharma.ru/sadhu/>) - Theravāda Web Directory



Wikimedia Commons có thêm hình ảnh và phương tiện truyền tải về **Thượng tọa bộ** (<https://commons.wikimedia.org/wiki/Category:Theravada?uselang=vi>).

Thailand

- [DhammaTalks.net \(http://www.dhammatalks.net/\)](http://www.dhammatalks.net/) - A Collection of Theravāda Resources

Burma

- [Nibbana.com \(http://www.nibbana.com/\)](http://www.nibbana.com/) - A Collection of Theravāda Resources

Western

- [Theravāda Spirituality in the West \(http://www.insightmeditationcenter.org/books-articles/articles/Theravāda-spirituality-in-the-west/\)](http://www.insightmeditationcenter.org/books-articles/articles/Theravāda-spirituality-in-the-west/)
- [Dhamma talk downloads at \(http://www.dharmaseed.org/talks/\)](http://www.dharmaseed.org/talks/) Dharma Seed - A vast collection of Theravāda Dhamma Talks from over 40 centers worldwide
- [Saranaloka Foundation \(http://www.saranaloka.org/\)](http://www.saranaloka.org/) - Supporting nuns in America (Thai Forest tradition; Ajahn Sumedho lineage)

Practice

- Mahasi Sayadaw, *The Progress of Insight (Visuddhiñāna-katha)* (<http://www.accesstoinight.org/lib/authors/mahasi/progress.html>)

Critical

- David Chapman, *Theravāda reinvents meditation* (<https://en.wikipedia.org/wiki/Special:ArticleFeedbackv5Watchlist?ref=watchlist>)
- David Chapman, *The King of Siam invents Western Buddhism* (<http://meaningness.wordpress.com/2011/07/05/the-king-of-siam-invents-western-buddhism/>) Lưu trữ (<https://web.archive.org/web/20160617161145/https://meaningness.wordpress.com/2011/07/05/the-king-of-siam-invents-western-buddhism/>) 2016-06-17 tại [Wayback Machine](#)
- S. Dhammika, *The Broken Buddha/Critical Reflections on Theravāda and a Plea for a New Buddhism* (<http://www.buddhistische-gesellschaft-berlin.de/downloads/brokenbuddhanew.pdf>)

Lấy từ "https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Thượng_tọa_bộ&oldid=68462342"